

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 10 - 2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Điền.

2. Ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thanh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thúy H, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn N, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/3/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hà Thúy H trình bày: Chị Hà Thúy H và anh Nguyễn N có thời gian quen biết, tìm hiểu thương yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi mắng, xúc phạm nhau. Anh N là người bạo lực, vũ phu, thường xuyên đánh đập vợ, thiếu quan tâm chăm sóc đến gia đình, thiếu quan tâm đến vợ. Anh N thiếu tôn trọng vợ, thường xuyên xúc phạm vợ và gia đình vợ, anh chỉ nghe lời bên nội, không quan tâm đến ý kiến của vợ. Anh N quản lý về tài chính, là người tính toán nên chị H không chịu đựng được. Từ tháng 02/2019 đến nay, chị H và anh N sống ly thân

nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Chị Hà Thúy H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn N.

Bị đơn anh Nguyễn N trình bày: Anh Nguyễn N và chị Hà Thúy H sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27/11/2006. Kể từ thời điểm kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không rõ ràng về tiền bạc, tất cả tiền vợ chồng làm được vợ đều giữ một mình, không công khai cho chồng biết, tiền gửi ngân hàng đứng tên một mình vợ từ đó vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau, xích mích, cãi mắng nhau. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên khi mâu thuẫn xảy ra thì anh N có đánh vợ hai tát vào mặt. Từ tháng 3/2019 cho đến nay chị H bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc tới nhau. Tuy có những mâu thuẫn như vậy nhưng anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị Hà Thúy H.

Về con chung: Nguyên đơn chị Hà Thúy H trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 06/9/2008; cháu Nguyễn Thùy Lin Đ, sinh ngày: 02/01/2014. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Nguyễn Tuấn A cho anh Nguyễn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn N trình bày vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 06/9/2008; cháu Nguyễn Thùy Lin Đ, sinh ngày: 02/01/2014. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thúy H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn N trình bày vợ chồng có tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 230.000.000 đồng; số tiền trong tài khoản 20.000.000 đồng; 08 chỉ vàng; 01 chiếc xe máy; 01 lò bánh mỳ; số tiền em vợ mượn 55.000.000 đồng. Vợ chồng có nợ chung là 20.000.000 đồng và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Hà Thúy H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; Đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú; Bản sao giấy chứng minh nhân dân Hà Thúy H; Bản sao sổ hộ khẩu chủ hộ Hà Văn L; Bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Tuấn A; Bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Thùy Lin Đ.

Quá trình giải quyết vụ án anh N có đến Tòa án làm việc và trình bày không đồng ý ly hôn với chị H và trong trường hợp ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A và cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh N có đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng; trong khi chị H cương quyết xin ly hôn và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của mình. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N nhưng anh N đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thúy H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn N và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn N cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Nguyễn Tuấn A cho anh Nguyễn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và chị H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn N đồng ý ly hôn với chị Hà Thúy H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Hà Thúy H cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho chị Hà Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và anh N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản chung và nợ chung như đã trình bày trong đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cơ bản chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên anh N vắng mặt tại các phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thúy H. Chị Hà Thúy H được ly hôn anh Nguyễn N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho chị Hà Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Tuấn A cho anh Nguyễn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn anh N có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo đúng quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp giao nộp chứng cứ, hòa giải; Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Các văn bản tố tụng đều được tổng đạt hợp lệ tuy nhiên anh Nguyễn N không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, các bên đương sự không thể thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thúy H và anh Nguyễn N tự nguyện tìm hiểu, thương yêu nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27/11/2006. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân: Kể từ thời điểm đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, mỗi người mỗi quan điểm, ý kiến, đặc biệt là mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nên giữa chị H và anh N không tìm ra được tiếng nói chung, hai người thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không có sự chia sẻ, thiếu quan tâm chăm sóc đến nhau từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cuộc sống chung không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Tại phiên tòa chị Hà Thúy H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn N cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Nguyễn Tuấn A cho anh Nguyễn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn N đồng ý với yêu cầu nuôi con của chị H. Anh N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Nguyễn Thùy Lin Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thùy Lin Đ, sinh ngày: 02/01/2014 còn nhỏ, là bé gái và chị H đang trực tiếp chăm sóc vì vậy việc ở với mẹ cháu Đ sẽ được chăm sóc một cách toàn diện, chu đáo, đảm bảo sự phát triển của bé gái sau này nên cần giao cháu Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 06/9/2008 đang sống với anh N và có nguyện vọng được ở với anh N nên cần giao cháu A cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Hội đồng xét xử đã giải thích cho các đương sự biết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Hà Thúy H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Nguyễn N trình bày vợ chồng có tài sản chung, nợ chung và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Khi nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh N Tòa án đã yêu cầu anh N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản chung, nợ chung của vợ chồng để Tòa án có căn cứ thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng anh N vẫn không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu của mình nên Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Nếu các bên đương sự có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì có quyền nộp đơn đến Tòa án để giải quyết bằng một vụ án độc lập.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thúy H. Chị Hà Thúy H được ly hôn anh Nguyễn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy Lin Đ, sinh ngày: 02/01/2014 cho chị Hà Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày: 06/9/2008 cho anh Nguyễn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Hà Thúy H và anh Nguyễn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006500 ngày

03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chi H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trình